

Bản án số: 667/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Kim Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 698/2025/HNST ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1741/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Nữ Như Á, sinh năm 1997; Cư trú tại Số E đường N, Phường H, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985; Cư trú tại: Số E đường N, Phường H, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Huỳnh Nữ Như Á trình bày: Bà và ông Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2025 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng hòa thuận, yêu thương chăm sóc nhau. Thời gian sau hai bên mâu thuẫn trầm trọng, cho dù cả hai bên đã cố gắng nhường nhịn nhưng không thể kiểm soát cảm xúc khi nói chuyện với nhau. Cho nên bà thấy cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Á đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn T không có con chung. Về tài sản chung: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông và bà Huỳnh Nữ Như Á đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2025 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, ông và bà Huỳnh Nữ Như Á chưa có con chung. Theo ông Lê Văn T thì cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Á có mâu thuẫn nhưng ông cho rằng mâu thuẫn này chưa trầm trọng như bà Á trình bày. Mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng chưa thống nhất về công việc và kế hoạch có con chung. Ông muốn thời điểm này vợ chồng có con chung nhưng bà Á cho rằng đợi đến 04 năm nữa mới có con chung. Ông T cho rằng bà Á không muốn gắn bó hôn nhân lâu dài nên mới đưa ra mức thời gian như vậy. Nhưng xét thấy bà Á đã nhất quyết ly hôn với ông nên ông T nhận thấy không còn khả năng hàn gắn hạnh phúc nữa nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà Á. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Á với ông; Về con chung: Ông T và bà Á không có con chung; Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Huỳnh Nữ Như Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Á giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Lê Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Nữ Như Á được ly hôn với ông Lê Văn T. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Nữ Như Á đóng án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Văn T cư trú tại số E N, Phường H, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Huỳnh Nữ Như Á khởi kiện ông Lê Văn Thông T1 thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (hiện nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7) - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Lê Văn T và bà Huỳnh Nữ Như Á, ông Lê Văn T và bà Huỳnh Nữ Như Á làm đơn đề vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án. Do đó, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn T và bà Huỳnh Nữ Như Á.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2025 ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Nữ Như Á và ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn, bị đơn thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa bà Huỳnh Nữ Như Á và ông Lê Văn T thực sự có mâu thuẫn, bà Á và ông T không thống nhất được với nhau về việc có con chung, không thỏa thuận được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân thường ngày nên hiện đã không còn cùng chung sống, mục đích của quan hệ hôn nhân không đạt được, ông Thông đồng Ý ly hôn theo yêu cầu của bà Á. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Lê Văn T và bà Huỳnh Nữ Như Á thuận tình ly hôn nên ghi nhận.

- Về con chung: Bà Huỳnh Nữ Như Á và ông Lê Văn T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Nữ Như Á phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 1 Điều 228 Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Nữ Như Á.

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Nữ Như Á và ông Lê Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2025 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 06/02/2025 không còn hiệu lực.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Nữ Như Á và ông Lê Văn T không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Huỳnh Nữ Như Á phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000140 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp (hiện nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Á đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV7-TP.HCM;
- Phòng THADS KV7-TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã đóng dấu và ký tên)*

**Nguyễn Mạnh Hùng**